TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HS-ST
Ngày 21-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hữu Tỷ và bà H'Mhêl.

- Thư ký phiên toà: Ông Y Thanh Lâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HS, ngày 10/7/2017 đối với bị cáo:

La Văn T, sinh năm 1973 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm R, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; dân tộc: Dao; trình độ học vấn: 6/12; con ông La Văn T, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1943; vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 và 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; tiền án: 01 tiền án về tội "*Trộm cắp tài sản*", bị Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 tháng 03 ngày tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/4/2017 sau đó chuyển sang tạm giam, đến ngày 09/5/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam tại Quyết định số 19/KSĐT của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người bị hại: Ông Bàn Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người làm chứng:

- NLC1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- NLC2, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 20/4/2017, bị cáo La Văn T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 73K9-0118 của chị Nguyễn

Thị N (vợ bị cáo) đến nhà anh Má Chung D tại thôn 4, xã Q, huyện Đ để tìm việc làm. Do anh D không có nhà nên bị cáo quay về, đi được khoảng 20m thấy nhà ông Bàn Văn H là hàng xóm của anh D khóa cửa ngoài không có người ở nhà nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để có tiền mua ma túy. Bị cáo đi vòng ra sau nhà, nhìn qua khe hở tường ván thấy trong nhà có 01 cưa xăng và 01 máy phát cỏ. Bị cáo dùng tay cạy 3 tấm ván bung ra rồi chui vào bên trong lấy cưa xăng và máy phát cỏ đưa ra ngoài. Khi bị cáo đang buộc tài sản trộm được lên xe thì bị anh Linh Văn N, anh Bàn Đức P và một số người dân phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án thu giữ được gồm: 01 máy cưa xăng, vỏ màu cam, không rõ nhãn hiệu, trên thân máy có ghi chữ CHAIN OIL, lưỡi lam dài 60cm; 01 máy phát cỏ, nhãn hiệu KASEL KS – 26N, vỏ màu cam; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 73K9-0118, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 24/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đắk Glong kết luận: 01 máy cưa xăng, vỏ màu cam, không rõ nhãn hiệu, trên thân máy có ghi chữ CHAIN OIL, lưỡi lam dài 60cm trị giá 480.000 đồng; 01 máy phát cỏ, nhãn hiệu KASEL KS–26N, vỏ màu cam trị giá 1.920.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 2.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 27/CTr-VKS, ngày 30/6/2017 của VKSND huyện Đắk Glong đã truy tố bị cáo La Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo La Văn T như bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo La Văn T từ 06 đến 09 tháng tù; về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 cưa xăng và 01 máy phát cỏ cho ông Bàn Văn H; trả lại 01 xe mô tô Biển kiểm soát 73K9-0118 cho chị Nguyễn Thị N; về trách nhiệm dân sự: Ông Bàn Văn H và chị Nguyễn Thị N không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo La Văn T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Ông Bàn Văn H và chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu bồi thường Tệt hại, không có yêu cầu đối với tài sản là vật chứng của vụ án đã được nhận lại.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo La Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 20/4/2017 tại nhà ông Bàn Văn H thuộc thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo La Văn T lợi dụng nhà ông H không có người trông coi, bị cáo đã lén lút vào nhà lấy 01 cưa xăng và 01 máy phát cỏ với giá trị tài sản định giá là 2.400.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo La Văn T đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể:

Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."*

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo đồng thời ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại cho ông H, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo hiện nay đang bị bệnh hiểm nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, ông Bàn Văn H và chị Nguyễn Thị N không có yêu cầu bồi thường Tệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 cưa xăng và 01 máy phát cỏ cho ông Bàn Văn H; trả lại 01 xe mô tô Biển kiểm soát 73K9-0118 cho chị Nguyễn Thị N; khi bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản chị N không biết, vì vậy việc xử lý vật chứng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6].Về án phí: Bị cáo La Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo La Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo La Văn T 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2017 đến ngày 09/5/2017.

2. Trách nhiệm dân sự: Ông Bàn Văn H và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bồi thường Tệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 cưa xăng và 01 máy phát cỏ cho ông Bàn Văn H và trả lại 01 xe mô tô Biển kiểm soát 73K9-0118 cho chị Nguyễn Thị N. *(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản thu giữ).*

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo La Văn T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk Glong;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Tuân